

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2017 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2017/QĐST –HNGĐ ngày 13/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 20, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ 05, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà H, ông T tự quen biết nhau, được sự chấp thuận của gia đình nên tiến hành tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C vào ngày 24/06/2014, giấy chứng nhận kết hôn số 67/2014, quyền số 01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng mẹ ruột của ông T, địa chỉ tổ 05, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, cờ bạc và gây nợ cho gia đình. Bà H đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng nên tháng 11/2015 bà H trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Năm 2016, ông T có nộp đơn kiện yêu cầu ly hôn với bà H và được Tòa án giải quyết nhưng do vợ chồng muốn có thêm cơ hội để hàn gắn nên ông T đã rút đơn khởi kiện. Qua một thời gian dài, vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm nên bà Huyền khởi kiện xin ly hôn với ông Thanh. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 13/05/2015. Hiện nay, cháu T do bà H trực tiếp nuôi dạy nên bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của ông T nhận thay và cam kết thông báo lại cho ông Thanh biết nhưng ông T vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày nguyên nhân bà H xin ly hôn với ông T là ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình và mâu thuẫn về kinh tế. Ngoài ra, năm 2016 vợ chồng bà H cũng xảy ra mâu thuẫn và ông T có đơn xin ly hôn với bà H nhưng để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nên ông T đã rút lại đơn khởi kiện. Nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên bà H xin ly hôn với ông T. Ông Thanh biết được bà H xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H, ông T có một con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 13/05/2015. Hiện con chung đang do bà H nuôi dạy và cháu T dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu được nuôi con

chung của nguyên đơn, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoài T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hoài T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, bà H, ông T chung sống với nhau từ năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Ch vào ngày 24/06/2014, giấy chứng nhận kết hôn số 67/2014, quyển số 01/2014 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà H trình bày nguyên nhân bà H xin ly hôn với ông T là ông T không quan tâm, chăm sóc gia đình và mâu thuẫn về kinh tế. Ngoài ra, năm 2016 vợ chồng bà H cũng xảy ra mâu thuẫn và ông T có đơn xin ly hôn với bà H nhưng để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nên ông T đã rút lại đơn khởi kiện. Nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà H xin ly hôn với ông T. Ông T biết được bà H xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án.

Bên cạnh đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột của ông T thể hiện vợ chồng T, H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của H. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2] Về con chung, bà H xác định trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 13/05/2015. Hiện nay, bà H đang nuôi cháu Thiện và theo kết quả xác minh tại Hội phụ nữ phường V thể hiện bà H đang nuôi cháu T và điều kiện kinh tế ổn định đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dạy

cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, bà H được tiếp tục nuôi cháu Th cho đến tuổi trưởng thành.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hoài T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoài T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 13/05/2015 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Hoài T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hoài T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2015/0007222 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hoài T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Hoài T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên